

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính
lĩnh vực Tài nguyên nước, Biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 3401/STNMT-VP ngày 31/7/2024; ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 950/SKHCN-TĐC ngày 24/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ 07 (bảy) TTHC được ban hành mới; 22 (hai mươi hai) TTHC được sửa đổi; bổ sung, 06 (sáu) TTHC bị thay thế; 02 (hai) TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài nguyên nước, Biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này,

trong thời hạn 03 ngày làm việc, xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh để áp dụng thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước, Biển và hải đảo ban hành kèm theo các Quyết định: số 3589/QĐ-UBND ngày 01/11/2019; số 2157/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; số 2081/QĐ-UBND ngày 01/9/2023 của UBND tỉnh về công bố Danh mục và Quy trình nội bộ TTHC trong lĩnh vực Tài nguyên nước, Biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc các Trung tâm: Phục vụ hành chính công tỉnh; Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: TN và MT, KH và CN;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC, BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ TĨNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI


TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
I	Lĩnh vực Tài nguyên nước						
1	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT.TNN.20	23 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 02A - đường Nguyễn Chí Thanh -	Không	Không	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 20 ngày. - Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh: 6 ngày làm việc. 	<p>Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ bưu chính công ích. - Cổng dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn. 		<p>khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
2	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT.TNN.21	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 5 ngày làm việc.	Nhu trên	Không	Không	Nhu trên
3	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	QT.TNN.22	14 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 0,5 ngày; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 13,5 ngày.	Nhu trên	Không	Không	Nhu trên
4	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã được cấp giấy phép tài nguyên nước để cấp cho sinh hoạt và chữa	QT.TNN.23	26 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 5 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 21	Nhu trên	Không	Không	Nhu trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
	được phê duyệt tiền cấp quyền trước ngày 01/7/2024		ngày. - Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh: 15 ngày.				
5	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	QT.TNN.24	30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 0,5 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 29,5 ngày.	Như trên	Không	Không	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Thông tư số 03/ 2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 1545/QĐ - BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
							thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
6	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	QT.TNN.25	30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 0,5 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 29,5 ngày.	Nhu trên	Không	Không	Nhu trên
II	Lĩnh vực Biển và hải đảo						
1	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	QT.BHĐ.12	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 02A - đường Nguyễn Chí Thanh -	Theo quy định tại Thông tư 294/2016/TT-BTC	Theo quy định tại Thông tư 294/2016/TT-BTC	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015 - Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ bưu chính công ích. - Cổng dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn. 	 TT 294.pdf	<p>Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Thông tư số 23/2023/TT-BTNMT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2016/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
							BTNMT ngày 25/8/2016. - Quyết định số 1524/QĐ-BTNMT ngày 04/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
I	Lĩnh vực Tài nguyên nước						
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ / ngày đêm	QT.TNN.01	45 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 42 ngày. - Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh:	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 02A - đường Nguyễn Chí Thanh - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh). - Dịch vụ bưu chính công ích. - Công dịch vụ công quốc	- Quy mô dưới 200m ³ /ngày đêm: 300.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500m ³ / ngày đêm: 900.000 đồng/ hồ sơ; - Quy mô từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1000m ³ /ngày đêm:	- Quy mô dưới 200m ³ / ngày đêm: 150.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500m ³ / ngày đêm: 450.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1000m ³ /ngày đêm:	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			24 ngày.	gia: http://dichvuc.ong.gov.vn hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn	2.000.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm: 4.000.000 đồng/hồ sơ.	1.000.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm: 2.000.000 đồng/hồ sơ.	nguyên nước.;; - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
							chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
2	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới	QT.TNN.02	38 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và	Như trên	- Quy mô dưới 200m ³ /ngày đêm: 150.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ	- Quy mô dưới 200m ³ /ngày đêm: 75.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
	3.000m ³ / ngày đêm		kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 35 ngày. - Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh: 24 ngày.		200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500m ³ / ngày đêm: 450.000 đồng/ hồ sơ; - Quy mô từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1000m ³ /ngày đêm: 1.000.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm: 2.000.000 đồng/hồ sơ.	200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500m ³ / ngày đêm: 225.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 1000m ³ /ngày đêm: 500.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm: 1.000.000 đồng/hồ sơ.	

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
3	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ / ngày đêm	QT.TNN.03	<p>45 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 42 ngày. - Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh: 24 ngày. 	Như trên	<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô dưới 200m³/ngày đêm: 300.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500m³/ngày đêm: 1.100.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1000m³/ ngày đêm: 2.700.000 đồng/hồ sơ; 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô dưới 200m³/ ngày đêm: 150.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500m³/ ngày đêm: 550.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1000m³/ngày đêm: 1.350.000 đồng/hồ sơ; 	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
					- Quy mô từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm: 4.800.000 đồng/hồ sơ.	- Quy mô từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm: 2.400.000 đồng/hồ sơ.	
4	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000m ³ /ngày đêm	QT.TNN.04	38 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 35 ngày. - Thời gian	Như trên	- Quy mô dưới 200m ³ /ngày đêm: 150.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500m ³ /ngày đêm: 550.000 đồng/hồ sơ;	- Quy mô dưới 200m ³ /ngày đêm: 75.000 đồng/hồ sơ; - Quy mô từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 500m ³ /ngày đêm: 275.000 đồng/hồ sơ;	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh: 24 ngày.		<p>- Quy mô từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1000m³/ ngày đêm: 1.350.000 đồng/hồ sơ;</p> <p>- Quy mô từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000m³/ ngày đêm: 2.400.000 đồng/hồ sơ.</p>	<p>- Quy mô từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1000m³/ ngày đêm: 675.000 đồng/hồ sơ;</p> <p>- Quy mô từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000m³/ ngày đêm: 1.200.000 đồng/hồ sơ.</p>	
5	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận	QT.TNN.09	26 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn	Như trên	Không	Không	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
	hành		tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 21 ngày. - Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh: 15 ngày.				
6	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	QT.TNN.10	* Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước: 45	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 02A - đường Nguyễn Chí Thanh - Thành phố	Không	Không	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			<p>ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 42 ngày. <p>* Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước: 38 ngày, kể từ</p>	<p>Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ bưu chính công ích. - Công dịch vụ công quốc gia: <p>http://dichvucong.gov.vn hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn.</p>			

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 35 ngày.				
7	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	QT.TNN.11	38 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ	Như trên	Không	Không	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			sơ: 35 ngày. - Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh: 24 ngày.				
8	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT.TNN.12	24 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 21 ngày. - Thời gian thẩm định	Như trên	1.100.000 đồng/hồ sơ	550.000 đồng/hồ sơ	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh: 14 ngày.				
9	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT.TNN.13	17 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn	Như trên	550.000 đồng/hồ sơ	275.000 đồng/hồ sơ	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			thẩm định hồ sơ: 14 ngày. - Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh: 05 ngày.				
10	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QT.TNN.14	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 05 ngày làm việc.	Như trên	330.000 đồng/hồ sơ	165.000 đồng/hồ sơ	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
11	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	QT.TNN.15	<p>* Trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng: 28 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 0,5 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 27,5 ngày. <p>* Trường hợp công trình khai thác nước</p>	Như trên	Không	Không	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			khác: 14 ngày đối với trường, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 0,5 ngày. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 13,5 ngày.				
II	Lĩnh vực Biển và hải đảo						
1.	Giao khu vực biển	QT.BHĐ.01	- 38 ngày làm việc đối với hồ sơ thẩm định thông qua việc lấy ý	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 02A - đường Nguyễn Chí	Không	Không	- Luật Tài nguyên, Môi trường biển và Hải đảo ngày 25/6/2015; - Luật Biển

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			<p>kiến cơ quan, tổ chức liên quan; - 44 ngày làm việc đối với hồ sơ tổ chức thẩm định thông qua hội đồng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Thanh - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh).</p> <p>- Dịch vụ bưu chính công ích. - Cổng dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov.vn hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh: https://dichvucong.hatinh</p>			<p>Việt Nam ngày 21/6/2012; - Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
				.gov.vn.			<p>giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</p> <p>- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
							thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2.	Gia hạn giao khu vực biển	QT.BHĐ.02	- 33 ngày làm việc đối với hồ sơ thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên	Như trên	Không	Không	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			quan; - 36 ngày làm việc đối với hồ sơ tổ chức thẩm định thông qua hội đồng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
3.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	QT.BHĐ.03	- 33 ngày làm việc đối với hồ sơ thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan; - 36 ngày làm việc đối	Như trên	Không	Không	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			với hồ sơ tổ chức thẩm định thông qua hội đồng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
4.	Trả lại khu vực biển	QT.BHĐ.04	<ul style="list-style-type: none"> - 31 ngày làm việc đối với hồ sơ trả lại một phần khu vực biển, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - 26 ngày làm việc, đối với hồ sơ trả lại toàn bộ khu vực biển, kể từ ngày 	Như trên	Không	Không	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
5.	Công nhận khu vực biển	QT.BHĐ.05	21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Không	Như trên
6.	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	QT.BHĐ.06	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	22.500.000 đồng/giấy phép	22.500.000 đồng/giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên, Môi trường biển và Hải đảo ngày 25/6/2015; - Luật Biển Việt Nam ngày 21/6/2012; - Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi Tiết thi hành một

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
							<p>số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;</p> <p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
							<p>- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển;</p> <p>- Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
							Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
7.	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	QT.BHĐ.07	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	17.500.000 đồng/giấy phép	17.500.000 đồng/giấy phép	Như trên
8.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	QT.BHĐ.08	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ	Như trên	12.500.000 đồng/ giấy phép	12.500.000 đồng/ giấy phép	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
					Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
			hồ sơ hợp lệ				
9.	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	QT.BHĐ.09	32 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Không	Như trên
10.	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển	QT.BHĐ.10	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	7.000.000 đồng/giấy phép	7.000.000 đồng/giấy phép	Như trên
11.	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh	QT.BHĐ.11	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Không	- Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 ban hành Quyết định Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
						Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	Nộp hồ sơ trên môi trường mạng	
1	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	QT.TNN.05	45 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 42 ngày. - Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh: 24 ngày.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 02A - Đường Nguyễn Chí Thanh - Thành phố Hà Tĩnh - Hà Tĩnh). - Dịch vụ bưu chính công ích. - Công dịch vụ công quốc gia: http://dichvucong.gov .	- Sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác từ 0,5m ³ /giây và dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m ³ đến 0,2 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác từ 100m ³ /ngày đến dưới 1.000 m ³ /ngày; phát điện với công	- Sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác từ 0,5m ³ /giây và dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m ³ đến 0,2 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác từ 100m ³ /ngày đến dưới 1.000 m ³ /ngày; phát	- Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
	m ³ , hoặc đổi với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000m ³ /ngày đêm				vn hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Hà Tĩnh: https://dichvucong.hatinh.gov.vn .	suất lắp máy từ 50kw đến dưới 500kw: 480.000 đồng/hồ sơ; - Sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác từ 0,5m ³ /giờ và dung tích toàn bộ từ 0,2 triệu m ³ đến 3 triệu m ³ , hoặc đổi với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác từ 1.000m ³ /ngày đến dưới 5.000 m ³ /ngày; phát điện với công suất lắp máy từ	điện với công suất lắp máy từ 50kw đến dưới 500kw: 240.000 đồng/hồ sơ; - Sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác từ 0,5m ³ /giờ và dung tích toàn bộ từ 0,2 triệu m ³ đến 3 triệu m ³ , hoặc đổi với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác từ 1.000m ³ /ngày đến dưới 5.000 m ³ /ngày; phát	Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị quyết số 101/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>500kw đến dưới 1000kw: 1.400.000 đồng/hồ sơ;</p> <p>- Sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác từ 0,5m³/giây đến dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến 10 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác từ 5.000m³/ ngày đến dưới 20.000 m³/ ngày; phát điện với công suất</p> <p>điện với công suất lắp máy từ 500kw đến dưới 1000kw: 700.000 đồng/hồ sơ;</p> <p>- Sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác từ 0,5m³/giây đến dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến 10 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác từ 5.000m³/ ngày đến dưới</p>	một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	
						lắp máy từ 1.000kw đến dưới 1.500kw: 3.500.000 đồng/hồ sơ; - Sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác từ 0,5m ³ /giây đến dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ từ 10 triệu m ³ đến 20 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác từ 20.000m ³ /ngày đến dưới 50.000 m ³ /ngày; phát	20.000 m ³ /ngày; phát điện với công suất lắp máy từ 1.000kw đến dưới 1.500kw: 1.750.000 đồng/hồ sơ; - Sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác từ 0,5m ³ /giây đến dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ từ 10 triệu m ³ đến 20 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác từ	

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
						điện với công suất lắp máy từ 1.500kw đến dưới 2.000kw: 6.700.000 đồng/hồ sơ.	20.000m ³ /ngày đến dưới 50.000 m ³ /ngày; phát điện với công suất lắp máy từ 1.500kw đến dưới 2.000kw: 3.350.000 đồng/hồ sơ.	
2	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20triệu m ³ , hoặc lưu lượng	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, biển	QT.TNN.06	38 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 35 ngày. - Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh: 24 ngày.	Như trên	50% mức thu của trường hợp cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	50% mức thu của trường hợp cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
	<p>khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ</p>							

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
	trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm							
3	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT.TNN.07	17 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 14 ngày.	Như trên	30% mức thu của trường hợp cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	30% mức thu của trường hợp cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Như trên
4	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	QT.TNN.08	56 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 0,5 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 55,5 ngày.	Như trên	Không	Không	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
	trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên							
5	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	QT.TNN.1 7	23 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 20 ngày. - Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh: 06 ngày làm việc.	Như trên	Không	Không	Như trên

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
6	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	QT.TNN.1 9	49 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, trong đó: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 07 ngày làm việc. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 42 ngày.	Như trên	Không	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí		Căn cứ pháp lý
								trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Ký hiệu quy trình	Căn cứ pháp lý để bãi bỏ
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT.TNN.16	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước 2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2	Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lấy ý kiến.	QT.TNN.18	Nhu trên